

CÁC MÔ THỨC CỦA TÍNH CÁ NHÂN - TÍNH CỘNG ĐỒNG Ở VIỆT NAM⁽¹⁾

TS. Lê Văn Hào

Trưởng phòng Phòng Tâm lý học văn hoá, Viện Tâm lý học.

TÓM TẮT

Các nhà nghiên cứu đều nhất trí rằng, tính cộng đồng là một đặc điểm nổi trội của người Việt, dù tính cá nhân cũng song song tồn tại. Kết quả nghiên cứu ở nhiều nền văn hóa khác đã phát hiện ra 4 mô thức/mẫu hình cá nhân và cộng đồng: cá nhân bình đẳng và thứ bậc; cộng đồng bình đẳng và thứ bậc. Kết quả nghiên cứu trên một mẫu chọn 739 nông dân (tuổi trung bình là 49) từ Hà Tây, Thái Bình, Huế, Long An, Cần Thơ cho thấy cách thức hành động, ứng xử theo chiều hướng cộng đồng thứ bậc được đánh giá cao nhất, hay được sử dụng nhất, còn cá nhân thứ bậc được đánh giá thấp nhất, ít được sử dụng nhất. Từ viễn cảnh quốc tế và Việt Nam, bài viết cũng bàn luận về xu hướng phát triển của tính cá nhân và tính cộng đồng ở Việt Nam trong bối cảnh xã hội đang có nhiều biến đổi.

Từ khóa: *Tính cá nhân; Tính cộng đồng; Mô thức tính cá nhân; Mô thức tính cộng đồng; Cá nhân bình đẳng; Cá nhân thứ bậc; Cộng đồng bình đẳng; Cộng đồng thứ bậc; Nông dân Việt Nam.*

Ngày nhận bài: 3/10/2012; Ngày duyệt đăng bài: 20/10/2012.

1. Đặt vấn đề

Các nhà nghiên cứu như Đào Duy Anh, Trần Quốc Vương, Phan Huy Lê, Trần Đình Hượu, Hà Văn Tấn, Phan Ngọc, Hữu Ngọc, Nguyễn Hồng Phong, Đỗ Long, Trần Ngọc Thêm và nhiều người khác - trực tiếp hay gián tiếp - đều nhất trí rằng tính cộng đồng là một đặc điểm nổi trội của người Việt Nam, của văn hóa Việt Nam. Mặt khác, một số nghiên cứu khác của Young (1998, tr. 147 - 155), Đỗ Long và Phan Thị Mai Hương (2002), Lê Văn Hào (2005) cho thấy, người Việt cũng thể hiện cá tính và một số biểu hiện khác của tính cá nhân. Nhiều nghiên cứu trong tâm lý học văn hóa và xuyên văn hóa (Triandis, 1995; Lê Văn Hào, 2005) đã chứng minh rằng, tính cá nhân và tính cộng đồng cùng có thể tồn tại song song, tương phản nhưng không loại trừ nhau. Về ý này,

Triandis so sánh tính cộng đồng và tính cá nhân với hình ảnh của nước và băng. Tính cộng đồng giống như nước, còn tính cá nhân giống như băng. Các phân tử nước có thể chuyển hóa thành băng đá, nhưng băng đá cũng có thể tan ra thành nước. Vì thế mà tồn tại các kiểu loại tính cộng đồng và cá nhân khác nhau, phụ thuộc vào sự ưu trội của các phân tử là nước hay là đã chuyển hóa thành băng. Quan điểm này được đánh giá là mang tính biện chứng và đã được chứng minh bằng kết quả nghiên cứu từ nhiều nước trên thế giới như Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc... (xem chi tiết Lê Văn Hào, 2005).

Trong lý thuyết về tính cá nhân/cộng đồng của mình, Triandis (1999) đề xuất khái niệm cá nhân/cộng đồng nên được hiểu theo một cấu trúc đa chiều, bởi ngay cá nhân luận và cộng đồng luận cũng có các kiểu loại khác nhau mang đặc điểm văn hóa xã hội cụ thể. Ví dụ, tính cộng đồng của các xã hội như Nhật Bản hay Hàn Quốc khác với tính cộng đồng ở Israel (kibbutz) hay tính cộng đồng ở Xô Viết trước đây (các nông trang tập thể). Tương tự, tính cá nhân của người Mỹ khác với tính cá nhân của người Thụy Điển và một vài nước Bắc Âu. Từ thực tế này, Triandis (1995) đưa ra 4 mô thức của tính cá nhân/cộng đồng: tính cộng đồng và cá nhân theo *chiều ngang* và *chiều dọc*. Về đại thể, mô thức ứng xử theo chiều ngang (dù là mang tính cộng đồng hay cá nhân) là mô thức trong đó coi "cái tôi" ít nhiều đều giống người khác, nhấn mạnh đến sự bình đẳng. Còn trong mô thức ứng xử theo chiều dọc thì coi "cái tôi" khác với người khác, nhấn mạnh đến thứ bậc, trật tự trên dưới. Như vậy, chúng ta có 4 mô thức khác nhau: tính cộng đồng bình đẳng và thứ bậc, tính cá nhân bình đẳng và thứ bậc. Qua thực tế kiểm nghiệm, các nhà nghiên cứu về tính cá nhân/cộng đồng trên thế giới đều có sự nhất trí cao về quan điểm này và cho rằng việc nhấn mạnh đến mối quan hệ xã hội theo chiều ngang hay chiều dọc là một đặc điểm quan trọng nhất của tính cá nhân/cộng đồng.

Cụ thể hơn, *tính cá nhân bình đẳng* (CNBD) thể hiện qua việc con người muốn độc lập và có bản sắc riêng, theo dạng "Tôi muốn làm các công việc của riêng mình, theo cách của riêng mình". Tức là rất độc lập, "tự trị" nhưng không đặc biệt quan tâm đến việc phải có vị thế cao hơn người khác, ít cạnh tranh hơn. Trong khi đó, người có *tính cá nhân thứ bậc* (CNTB) lại quan tâm đến việc mình phải thật khác biệt với người khác, phải có vị thế cao thông qua cạnh tranh với mọi người, có xu hướng muốn "tôi là số 1". Trong mô thức theo *tính cộng đồng bình đẳng* (CDBĐ), mọi người đều coi mình là giống như nhau (mỗi người một phiếu) và nhấn mạnh đến mục đích chung, đến sự phụ thuộc lẫn nhau, nhưng họ không dễ dàng tuân theo áp đặt của quyền lực. Với *tính cộng đồng thứ bậc* (CĐTB), người ta nhấn mạnh đến tính toàn vẹn của nhóm nội, sẵn sàng hy sinh mục đích cá nhân cho mục đích của nhóm nội, ủng hộ việc cạnh tranh của nhóm mình (nhóm nội) với nhóm ngoại. Vì lợi ích hay vì thể diện của nhóm nội, cá nhân theo mô thức này dễ dàng tuân theo ý chí của quyền lực cho

dù họ không thích. Các nghiên cứu trên thế giới sau này chứng minh rằng quan điểm của Triandis phù hợp với thực tế biểu hiện của tính cá nhân/cộng đồng ở nhiều nước khác nhau.

Kết quả nghiên cứu tính cá nhân/cộng đồng ở nhiều nước đã cho thấy một số điểm khác biệt lý thú theo khía cạnh thứ bậc và bình đẳng. Căn cứ vào tỉ lệ lựa chọn của 4 cách ứng xử trên đây, các nhà tâm lý học có thể lập một “hồ sơ văn hóa” cho từng nước. Ví dụ như “hồ sơ văn hóa” của Australia (quốc gia mang xu hướng cá nhân ở mức cao) như sau:

CNBD > CĐBD > CNTB > CĐTĐ (cá nhân bình đẳng hay được sử dụng nhất, còn cộng đồng thứ bậc ít được sử dụng nhất). Trong khi đó “hồ sơ văn hóa” của Hồng Kông (nơi được cho là mang xu hướng cộng đồng ở mức vừa phải) là CĐBD > CNBD > CNTB > CĐTĐ (khác với Australia, ở Hồng Kông, cộng đồng bình đẳng hay được sử dụng nhất, còn cộng đồng thứ bậc ít được sử dụng nhất).

Câu hỏi đặt ra “hồ sơ văn hóa” này ở Việt Nam ra sao, đặc biệt trong bối cảnh hiện đại hóa, trong đó có thay đổi định hướng giá trị ở Việt Nam từ coi trọng cộng đồng sang coi trọng cá nhân (Thái Duy Tuyên, 1994; Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Thạch và Mạc Văn Trang 1995; Lê Thị, 1997; Đỗ Ngọc Hà, 2001; Phạm Minh Hạc, 2002; Đoàn Đức Hiếu, 2003) tính cá nhân/cộng đồng ở người Việt thể hiện theo các mô thức nào theo chiều cạnh bình đẳng và thứ bậc vừa trình bày trên đây? Mô thức nào chiếm ưu thế?

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp

Chúng tôi sử dụng thang đo gồm 24 item được rút ra và chỉnh sửa từ nghiên cứu của hai tác giả Triandis và Gelfand (1998). Thang này gồm 4 tiểu thang, mỗi tiểu thang có 6 item đo lường 2 chiều cạnh của tính cá nhân và cộng đồng, cụ thể là cá nhân bình đẳng, cá nhân thứ bậc và cộng đồng bình đẳng, cộng đồng thứ bậc. Thang này đã được dịch ra tiếng Việt, điều chỉnh và sử dụng trong một nghiên cứu trước đây (Lê Văn Hào, 2005). Trong nghiên cứu này, Cronbach's α CNBD = 0,66; CĐBD = 0,72; CNTB = 0,68; CĐTĐ = 0,71.

Chọn mẫu

Mẫu nghiên cứu 739 nông dân (tuổi trung bình là 49), tỉ lệ nam nữ gần bằng nhau (nam 49,7%, nữ 50,3%), đang sinh sống ở các vùng đã và đang đô thị hóa ở Hà Tây (chiếm 16% trong mẫu chọn), Thái Bình (18,6%), Huế (27,4%), Long An (19,9%), Cần Thơ (18,2%). Trong toàn mẫu, tỉ lệ làm nông nghiệp chiếm 76,0%, nghề phụ 10,0%, buôn bán vật 6,3%, kinh doanh 2,4%, làm thuê 8,8%, dịch vụ 0,7%, cán bộ nhà nước 8,6% và nghề khác chiếm 11,0%.

3. Kết quả và bàn luận

Kết quả nghiên cứu thực tế được trình bày chi tiết trong bảng 1 dưới đây.

Bảng 1: Tính cá nhân, tính công đồng theo 4 mô thức (N = 710)

Nói chung, TÔI ...	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Cá nhân bình đẳng (A) Điểm trung bình của 6 item	1,88	0,60
1. Làm "việc riêng của mình", ít để ý đến việc của mọi người	1,35	1,12
2. Phần lớn dựa vào bản thân mình và ít dựa vào người khác	2,17	1,00
3. Ứng xử (suy nghĩ, nói năng, hành động) một cách thẳng thắn khi trao đổi, thảo luận với người khác	2,54	0,74
4. Dựa vào chính mình hơn là vào người khác	2,49	0,80
5. Tin rằng những gì xảy ra với người khác là việc của họ, không phải việc của tôi	1,29	1,08
6. Hành động như thế nào không phụ thuộc vào việc người khác nghĩ gì, nói gì	1,37	1,08
Cộng đồng bình đẳng (B) Điểm trung bình của 6 item	2,28	0,56
1. Giúp họ hàng (theo khả năng của mình) nếu họ hàng gặp khó khăn về tiền bạc	2,46	0,74
2. Duy trì sự hài hoà trong các nhóm mà mình là thành viên	2,30	0,91
3. Luôn làm gì đó để duy trì sức khoẻ của bạn bè/dồng nghiệp/hàng xóm (như chăm sóc hoặc hỗ trợ họ về mặt tinh cảm)	2,42	0,79
4. Hay trao đổi và tham khảo ý kiến của bạn thân trước khi đưa ra một quyết định	2,34	0,85
5. Chia sẻ những thứ nhỏ nhỏ (dụng cụ, bát đĩa, tờ báo...) với hàng xóm	2,15	0,95
6. Hợp tác với người khác, dành thời gian làm gì đó cùng với người khác	1,97	0,95
Cá nhân thứ bậc (C) Điểm trung bình của 6 item	1,65	0,65
1. Cố gắng phấn đấu để làm tốt hơn người khác	2,39	0,80
2. Thấy khó chịu khi người khác làm tốt hơn mình	0,85	1,09
3. Cố gắng làm việc trong các tình huống có sự cạnh tranh với người khác	1,63	1,09
4. Cho rằng cạnh tranh là qui luật tự nhiên	2,03	1,07

5. Cảm thấy căng thẳng và bị khuấy động khi người khác làm tốt hơn mình	0,92	1,02
6. Cho rằng nếu không có cạnh tranh thì sẽ không thể có một xã hội tốt đẹp	2,00	1,10
Cộng đồng thứ bậc (D)	Điểm trung bình của 6 item	
1. Có thể làm việc gì đó để gia đình vui lòng, cho dù rất không thích việc làm đó	1,94	1,00
2. Dạy con cái mình phải đặt bổn phận, trách nhiệm cao hơn việc hưởng thụ của bản thân	<u>2,59</u>	0,76
3. Từ bỏ hoạt động mà mình rất thích thú (như xem ti vi, đá bóng...) nếu như gia đình không đồng ý	1,70	1,10
4. Tuân theo quyết định của tập thể	<u>2,53</u>	0,75
5. Hy sinh quyền lợi cá nhân vì quyền lợi của tập thể	<u>2,40</u>	0,80
6. Chăm sóc gia đình ngay cả khi phải hy sinh những điều mình muốn	<u>2,58</u>	0,70

Ghi chú: Phạm vi điểm: 0 - không đúng/sai với tôi; 1 - đúng một phần nhỏ; 2 - đúng phần lớn và 3 - đúng.

Kết quả chung

+ Trước hết, cách thức hành động, ứng xử theo chiều hướng *cộng đồng thứ bậc* (điểm trung bình (ĐTĐB) = 2,29) được đánh giá cao nhất, hay được sử dụng nhất, còn cá nhân thứ bậc (ĐTĐB = 1,65) được đánh giá thấp nhất, ít được sử dụng nhất. “Hồ sơ văn hóa” về tính cá nhân, tính cộng đồng của cư dân nông thôn Việt Nam như sau: CDTĐB ≥ CDBĐ > CNBĐ > CNTĐB (xem chi tiết bảng 1).

Hai tiểu thang đo lường xu hướng cộng đồng có điểm trung bình cao hơn 2 tiểu thang đo lường xu hướng cá nhân. Điều này có thể hiểu là cả tính cộng đồng và tính cá nhân cùng tồn tại song song, nhưng xu hướng cộng đồng được thể hiện ưu trội hơn. Điểm trung bình của 2 tiểu thang đo tính công đồng gần như nhau (2,28 và 2,29) gợi ý rằng, cả chiều cạnh cộng đồng thứ bậc và cộng đồng bình đẳng đều được ưa chuộng ở mức độ tương tự trong ứng xử liên cá nhân và giữa cá nhân với cộng đồng. Nếu chia điểm số từ 0 đến 3 theo 3 mức độ: từ 0 đến 1 là mức thấp; 1,1 đến 2 là mức trung bình và 2,1 đến 3 là mức cao thì thấy điểm trung bình của hai tiểu thang đo lường tính cộng đồng (2,28 và 2,29) nằm trong phạm vi cao nhưng ở gần ngưỡng dưới của mức này. Còn điểm số trung bình của hai tiểu thang đo lường tính cá nhân (1,65 và 1,88) rơi vào mức độ trung bình ở gần ngưỡng trên. Điểm trung bình của 2 tiểu thang cá nhân có khác nhau: cá nhân thứ bậc thấp hơn so với cá nhân bình đẳng với khoảng cách khá rõ (1,65 so với 1,88). Kết quả này gợi ý rằng, giống như tất cả

các dân tộc khác, người Việt Nam cũng có tính cá nhân nhưng tính cá nhân bình đẳng được ưa chuộng hơn tính cá nhân thứ bậc. Nói cách khác, xét về mặt văn hóa ứng xử trong các hành vi xã hội, người Việt muốn có độc lập, bản sắc, muốn tự lập, tự cường (có lẽ xuất phát từ truyền thống tự cấp, tự túc) nhưng ít cạnh tranh hơn, không đặc biệt quan tâm đến việc phải là số một, phải thật khác biệt với người khác. Những hành vi cạnh tranh thể hiện "lời là số 1" dễ bị qui gán là "tốt lời", "chơi trời" dễ bị ghen ghét hay đố kỵ). Đặc điểm này vẫn tiếp tục tác động đến hành vi của người Việt, ít nhất là những nông dân sống ở vùng ven đô đang đô thị hóa hiện nay trong mẫu chọn của nghiên cứu này.

++ Trong số 24 item có 4 item đạt điểm trung bình cao nhất với ĐTB $\geq 2,50$ trên thang 3 điểm. Trong số đó có 3 item thuộc tính cộng đồng, 1 item thuộc tính cá nhân. Ba item thuộc nhóm item đo lường tính cộng đồng là "Day con cái mình phải đặt bổn phận, trách nhiệm cao hơn việc hưởng thụ của bản thân" (ĐTB = 2,59); "Chăm sóc gia đình ngay cả khi phải hy sinh những điều mình muốn" (ĐTB = 2,58) và "Tuân theo quyết định của tập thể" (ĐTB = 2,53). Cả 3 item đều xoay quanh một điểm chung là vì người khác, đặt sự hài hòa trong nhóm và lợi ích của người khác cao hơn của mình. Tất nhiên, người khác trong trường hợp này chủ yếu là thành viên gia đình, tức là nhóm nội. Dù sao thì đây cũng là một đặc điểm tâm lý rất tích cực được hình thành và hun đúc lâu dài trong lịch sử. Chúng tiếp tục đóng vai trò tích cực trong việc gắn kết gia đình, dòng họ và rộng hơn là cộng đồng.

Cùng với item đo lường tính cá nhân vừa nêu ("ứng xử - suy nghĩ, nói năng, hành động một cách thẳng thắn khi trao đổi, thảo luận với người khác" với ĐTB = 2,54), ba item khác cũng thuộc tiểu thang đo tính cá nhân là "Dựa vào chính mình hơn là vào người khác", ĐTB = 2,49; "Phần lớn dựa vào bản thân mình và ít dựa vào người khác", ĐTB = 2,17 và "Cố gắng phấn đấu để làm tốt hơn người khác", ĐTB = 2,39 cũng thuộc số các item có điểm trung bình cao (ĐTB ≥ 2). Đây là một dấu hiệu thể hiện một xu hướng quan trọng trong phát triển con người Việt Nam trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo hướng tự lực, tự cường, phát huy sức mạnh của mỗi cá nhân và của toàn cộng đồng. "Cố gắng phấn đấu làm tốt hơn người khác" cũng phản ánh sự sẵn sàng cạnh tranh như một yếu tố tất yếu của kinh tế thị trường đã được tiếp nhận trong hơn 20 năm qua, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa, đô thị hóa hiện nay. Có lẽ đây là nét mới tiếp nhận, mới thay đổi trong những năm đổi mới và hội nhập?

Kết quả như phân tích vừa nêu giúp hình dung cụ thể hơn theo hướng khẳng định xu hướng cá nhân/cộng đồng cùng tồn tại, nhưng tính cộng đồng (theo cả hai chiều là thứ bậc và bình đẳng) được thể hiện trội hơn.

+++ Hai item có điểm trung bình thấp nhất (và cũng ở trong ngưỡng thấp < 1) trong tổng số 24 item là "Tôi thấy...khó chịu khi người khác làm tốt

hơn mình" (ĐTB = 0,85), "Tôi cảm thấy căng thẳng và bị khuấy động khi người khác làm tốt hơn mình" (ĐTB = 0,92). Đây là cảm giác "chấp nhận" sự khác biệt trong cuộc sống vốn ngày càng mang tính cạnh tranh và phân hóa hơn. Điểm số càng thấp (giống như thực tế vừa nêu), thì càng có xu hướng không chấp nhận đương đầu với cạnh tranh. Nói cách khác người khác có làm tốt hơn thì tôi vẫn không cảm thấy "khó chịu" hay "căng thẳng", bởi tôi không mang tính chất cạnh tranh, ganh đua. Kế tiếp, 3 item "Tôi tin rằng những việc xảy ra với mọi người là việc của họ" (ĐTB = 1,29); "Làm việc riêng của mình", ít để ý đến việc của mọi người" (ĐTB = 1,35); "Hành động như thế nào không phụ thuộc vào việc người khác nghĩ gì, nói gì" (ĐTB = 1,37) cũng đạt điểm ở mức trung bình gần với ngưỡng dưới ($\leq 1,50$ /thang 3 điểm). Tương tự như 2 item vừa nêu trên, chúng đều thuộc số các item đo lường tính cá nhân, với điểm càng cao tính cá nhân càng cao và ngược lại. Mức điểm ở mức trung bình gần với ngưỡng dưới cũng có nghĩa là người tham gia nghiên cứu *ngiên về phía phản đối nhiều hơn là đồng ý*. Kết quả này phản ánh tính cộng đồng trội hơn tính cá nhân và "sống chỉ biết mình" không được coi trọng.

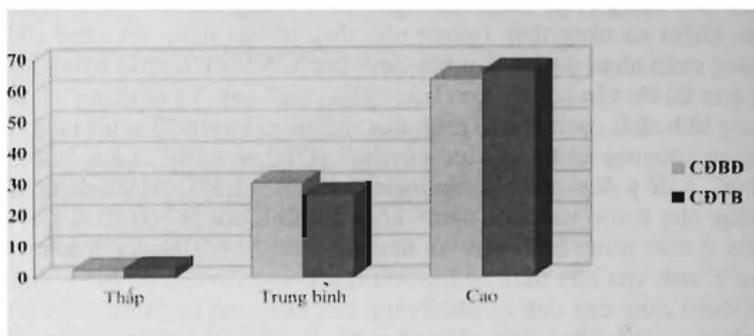
Kết quả trình bày ở bảng 1 cho biết xu hướng chung của tính cá nhân và cộng đồng. Câu hỏi bây giờ là số lượng và tỉ lệ khách thể phân bố theo từng mức độ (thấp, trung bình, cao) thế nào? Để trả lời câu hỏi này, chúng tôi tính điểm trung bình của từng trường hợp theo 2 tiêu thang đo lường tính cộng đồng (là đặc điểm nội trội ở người Việt) và chia điểm số từ 0 đến 3 cũng theo 3 mức độ như đã trình bày ở trên. Kết quả ở bảng 2 cho thấy một bức tranh rõ hơn.

Bảng 2: Tỷ lệ khách thể chia theo 3 mức độ thấp, trung bình, cao

Mức độ	Điểm trung bình cộng đồng bình đẳng (B)		Điểm trung bình cộng đồng thứ bậc (D)	
	Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %
Thấp (ĐTB từ 0 - 1)	21	2,8	24	3,2
Trung bình (ĐTB từ 1,1 - 2)	227	30,7	198	26,8
Cao (ĐTB từ 2,1 đến 3)	470	63,6	489	66,2
Không có thông tin	21	2,8	28	3,8
Tổng	739	100	739	100

Xét riêng các nhóm theo chiều cạnh cộng đồng bình đẳng thì thấy cứ 100 người trong mẫu nghiên cứu thì có tới gần 64 người thể hiện tính cộng đồng ở mức độ cao, 31 người ở mức trung bình và gần 3 người ở mức thấp. Nếu xem xét theo chiều cạnh cộng đồng thứ bậc, chúng ta cũng có một kết quả gần

tương tự (3 con số tương ứng ở 3 mức cao, trung bình, thấp là 66,27 và 3). Thể hiện qua hình ảnh ta sẽ thấy như trong biểu đồ 1.



Biểu đồ 1: Cộng đồng thứ bậc và Cộng đồng bình đẳng chia theo 3 mức độ (thấp, trung bình, cao)

Một số khác biệt

Khác biệt theo giới tính

So sánh theo giới tính thì thấy chỉ có tiểu thang cá nhân thứ bậc (phần C trong bảng 1 trên đây) là có sự khác biệt một cách có ý nghĩa về mặt thống kê như trình bày trong bảng 3 dưới đây. Cụ thể, nam giới có xu hướng thể hiện tính cá nhân thứ bậc (tính cạnh tranh) cao hơn nữ giới ($\text{ĐTB}_{\text{nam}} = 1,74 > \text{ĐTB}_{\text{nữ}} = 1,57$ ở mức có ý nghĩa với $p < 0,001$). Kết quả này không gây ngạc nhiên, nó chỉ khẳng định những gì thường quan sát thấy trong cuộc sống hàng ngày.

Bảng 3: Khác biệt ở chiều cạnh cá nhân thứ bậc theo giới tính

Giới tính	N	ĐTB	ĐLC	t	Mức có ý nghĩa
Nam	340	1,7438	0,65749	3,491	0,001
Nữ	363	1,5721	0,64593	3,489	0,001

Ghi chú: ĐTB là điểm trung bình; ĐLC là độ lệch chuẩn

Khác biệt theo học vấn

So sánh theo trình độ học vấn cũng cho thấy một vài khác biệt. Kiểm định ANOVA cho ra kết quả bảng 4 dưới đây. Những người có học vấn thấp hơn có xu hướng thể hiện các hành vi xã hội theo hướng cộng đồng thứ bậc rõ hơn. Điều này cũng có nghĩa là họ thể hiện các hành vi mang tính cá nhân ít

hơn hay thấp hơn. Cụ thể, người có học vấn tiểu học và THCS có xu hướng thể hiện hành vi mang tính cộng đồng cao hơn so với người có học vấn THPT. Phù hợp về mặt logic với kết quả này, người có học vấn THPT hay cao đẳng có xu hướng thể hiện tính cộng đồng thấp hơn so với người có học vấn tiểu học hay THCS. Lý giải điều này cần phải nghiên cứu thêm, nhưng một nghiên cứu ở Hàn Quốc giúp soi sáng phần nào câu hỏi liệu học vấn có tương quan thế nào tới tính cá nhân hay cộng đồng. Jae-Ho Cha (1994) trong phần nghiên cứu về các khía cạnh của tính cá nhân/cộng đồng hiện nay ở Hàn Quốc có đưa ra một kết luận liên quan đến biến số nhân khẩu ở Hàn Quốc: nhóm “hiện đại” hơn (có học vấn đại học trở lên, sống ở Seoul) có xu hướng cá nhân cao nhất (tức là xu hướng cộng đồng thấp nhất); nhóm ít “hiện đại” hơn (học vấn phổ thông hoặc thấp hơn, sống ở vùng nông thôn) có xu hướng cá nhân thấp nhất (tức là xu hướng cộng đồng cao nhất). Nhóm càng “hiện đại” bao nhiêu (học vấn cao, sống ở đô thị, nhiều tài sản) thì càng định hướng đến gia đình của riêng mình (nhóm nội, nhỏ) nhiều hơn và định hướng đến đất nước (nhóm lớn) ít hơn.

Bảng 4: Chiều cạnh cộng đồng thứ bậc theo trình độ học vấn

(I) Trình độ học vấn	(J) Trình độ học vấn	Khác biệt ĐTB (I-J)	Mức có ý nghĩa
Tiểu học	THPT	0,13988(*)	0,025
	Cao đẳng	0,52533(*)	0,042
THCS	THPT	0,12797(*)	0,010
THCS	Cao đẳng	0,51342(*)	0,044

Ghi chú: * Khác biệt điểm trung bình có ý nghĩa ở mức 0,05

Khác biệt theo lứa tuổi

Câu hỏi tiếp theo là liệu tính cá nhân hay tính cộng đồng có liên quan gì đến lứa tuổi (đúng hơn là thế hệ) hay không? Để trả lời câu hỏi này, chúng tôi chia các khách thể theo 3 nhóm tuổi như sau: nhóm dưới 35 tuổi là nhóm trẻ, từ 36 đến 59 là nhóm trung tuổi và từ 60 trở lên tạm gọi là nhóm cao tuổi. Kiểm định ANOVA cho ra kết quả như trong bảng 5 dưới đây.

Từ bảng 5 có thể thấy, nếu xem xét tính cộng đồng thì thấy, theo chiều cạnh bình đẳng (CĐBĐ), nhóm trung tuổi thể hiện cao hơn nhóm trẻ tuổi và nhóm cao tuổi cũng thể hiện mức độ CĐBĐ cao hơn nhóm trẻ tuổi. Nếu xem xét tính cộng đồng theo chiều cạnh thứ bậc (CĐTĐB) thì nhóm trung tuổi thể hiện nó ở mức độ cao hơn so với nhóm trẻ tuổi, nhóm cao tuổi thể hiện mức độ

cao hơn nhóm trẻ tuổi và trung tuổi. Nói cách khác, tuổi cao hơn thường có xu hướng thể hiện tính cộng đồng (bình đẳng và thứ bậc) cao hơn.

Bảng 5: Chiều cạnh cộng đồng bình đẳng và thứ bậc theo 3 nhóm tuổi

(I) Tuổi trung bình	(J) Tuổi trung bình	Khác biệt ĐTB (I-J)	Mức có ý nghĩa
Cộng đồng bình đẳng:			
Nhóm trung tuổi	Nhóm trẻ tuổi	0,19298(*)	0,002
Nhóm cao tuổi	Nhóm trẻ tuổi	0,21438(*)	0,003
Cộng đồng thứ bậc:			
Nhóm trung tuổi	Nhóm trẻ tuổi	0,27011(*)	0,000
Nhóm cao tuổi	Nhóm trẻ tuổi	0,37397(*)	0,000
	Nhóm trung tuổi	0,10386(*)	0,046

Ghi chú: * Khác biệt điểm trung bình có ý nghĩa ở mức 0,05.

4. Thử thách xu hướng biến đổi tính cá nhân, tính cộng đồng ở Việt Nam

Nhìn từ viễn cảnh Việt Nam

Quá trình đô thị hóa ở Việt Nam đang diễn ra nhanh chóng. Lúc bắt đầu đổi mới (1986) chỉ có 19,3% dân số Việt Nam sống ở đô thị. Hai mươi năm sau (2006) con số này là 27,1% (VGSO, 2006). Tình trạng quá tải, đặc biệt ở các đô thị lớn được tác giả Mạc Đường gọi là “đô thị quá độ” đi kèm với “đô thị khủng hoảng” (Mạc Đường, 2010). Các cuộc tranh luận trên diễn đàn báo chí liên tục đề cập đến sự xuống cấp về mặt văn hóa, văn minh đô thị, về đô thị hóa nông thôn (về mặt xây dựng) và nông thôn hóa đô thị (về mặt văn hóa)... Trong bối cảnh ấy, tính cá nhân và cộng đồng của người Việt sẽ biến đổi ra sao?

Tính cộng đồng của người Việt Nam được nhiều người thừa nhận, nhưng ở cấp độ làng, nước, tâm lý cố kết cộng đồng có vẻ chỉ thể hiện trong một số điều kiện đặc biệt. Khi số phận chung (ví dụ sự đe dọa từ bên ngoài hay thiên tai, dịch bệnh) mà rõ ràng thì các cá nhân rất có thể sẽ trở thành người mang xu hướng cố kết (tính cộng đồng) trong rất nhiều mối quan hệ của mình. Còn trong điều kiện bình thường thì cái “tính rời rạc căn bản” (tính cá nhân) có xu hướng ảnh hưởng đến hành vi ứng xử nhiều hơn. Tính cách có đặc điểm là nó khá bền vững nhưng không phải là bất biến, kể cả tính cách dân tộc.

Như đã nói ở trên, một số tác giả cho rằng: (i) chế độ ruộng công của công xã nông thôn, (ii) cuộc đấu tranh chống thiên nhiên trường kỳ gian khổ và

(iii) cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ta là 3 nguyên nhân hình thành tâm lý tập thể - cộng đồng cố truyền (Nguyễn Hồng Phong, 1963; Hoàng Vinh, 2002). Ngày nay khi cơ sở hình thành và nuôi dưỡng nó là ruộng đất đã được chia cho các hộ, tính chất và hình thức đấu tranh chống thiên nhiên đã khác đi, cuộc đấu tranh chống ngoại xâm đã kết thúc thắng lợi cách đây 1/3 thế kỷ. Thay vào đó là kinh tế thị trường vốn dựa trên sự trao đổi thương mại và phần lớn được thúc đẩy bởi lợi nhuận. Kinh tế thị trường thúc đẩy tính cá nhân - vốn vẫn luôn luôn tồn tại song song với tính cộng đồng, nhưng chỉ bị che khuất phần nào mà thôi - phát triển theo cả nghĩa tích cực và tiêu cực. Tóm lại, cả 3 cơ sở hay điều kiện nuôi dưỡng tính cộng đồng đã thay đổi, không còn hay yếu đi nhiều. Theo logic thì tính cộng đồng sẽ giảm đi và tính cá nhân sẽ tăng lên. Tâm lý của con người là sự phản ánh những điều kiện sống, được hình thành trong những điều kiện kinh tế xã hội nhất định cho nên khi những điều kiện kinh tế, xã hội mà thay đổi thì tâm lý con người cũng thay đổi theo. Đó là quan điểm lịch sử.

Cũng cần phải nói thêm rằng, cách đặt vấn đề về tính cá nhân thường làm cho nó mang một hàm ý xấu, tiêu cực, là cái cần phá bỏ. Chúng tôi hiểu tính cá nhân hoàn toàn không đồng nghĩa là chủ nghĩa cá nhân hẹp hòi, ích kỷ, chỉ biết có bản thân mình mà không biết đến cái chung, cái cộng đồng. Tính tập thể, cộng đồng cũng không đơn giản là chủ nghĩa tập thể chung chung. Nếu xuất phát từ quan điểm như vậy thì ta thấy tính cá nhân có thể có liên quan chặt chẽ đến tính tự chủ, tự lập, khả năng tư duy độc lập và khả năng sáng tạo, đón nhận thách thức tốt hơn của con người. Còn tính cộng đồng (nhất là cộng đồng nhà hay cộng đồng nhóm nội) ở Việt Nam cũng có một số mặt trái như dẫn đến chủ nghĩa gia đình vốn khép kín và chỉ quan tâm tới lợi ích gia đình, gia tộc, cục bộ. Tóm lại, cả tính cộng đồng và cá nhân đều có cái hay, cái dở (xem thêm Phan Ngọc, 2000; Đỗ Long, 2000).

Từ những năm 1930 tác giả Đào Duy Anh (1938/1998, tr. 374) đã nhận xét rằng: “Vì ảnh hưởng của Âu hóa, vì sức thúc dục của những điều kiện sinh hoạt mới, xã hội ta (viết về những năm 1930) đang có khuynh hướng từ gia đình bản vị dần sang cá nhân bản vị”. Như vậy sự ảnh hưởng của Âu hóa và điều kiện sinh hoạt mới cũng có thể là yếu tố làm tăng tính cá nhân, xét theo quan điểm của Đào Duy Anh. Trong 2 thập kỷ đổi mới và hội nhập vừa qua, hệ giá trị và định hướng giá trị của người Việt Nam cũng trải qua nhiều thay đổi. Kết quả của các nghiên cứu trong thời gian qua đều khẳng định rằng người Việt Nam “từ việc chỉ hướng vào những giá trị tập thể, xã hội là chính chuyển sang hướng vào các giá trị cá nhân là chính” (Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Thạc và Mạc Văn Trang, 1995) hay nếu gia đình truyền thống chủ yếu giáo dục *tính cộng đồng* cho trẻ em phải tuân theo khuôn phép sẵn có: phục tùng, trừng phạt thì ngày nay giáo dục hiện đại trong gia đình lại hướng tới *cá nhân* (Lê Thi, 1997) hay “tâm lý con người đang có những chuyển động rõ rệt hơn bao giờ hết

theo hướng năng động hơn ý lại, tự động hơn chờ đợi, xu hướng cá thể hóa diễn ra mạnh hơn, trách nhiệm cá thể cao hơn; dám thách thức, cạnh tranh..." (Phạm Minh Hạc, 2002). Các nghiên cứu gần đây hơn do tác giả Đỗ Long - Phan Thị Mai Hương chủ trì năm 2002 hay Lê Văn Hào (2005) đều khẳng định sự thay đổi của những yếu tố liên quan đến tính cộng đồng/cá nhân theo xu hướng: tính cộng đồng có phần giảm, tính cá nhân có phần tăng. Chủ nghĩa cá nhân - là cái xã hội Việt Nam (và nhiều xã hội khác) không thể chấp nhận, nhưng sự phát triển của tính cá nhân theo nghĩa lành mạnh ở cấp độ nhân cách con người đều được các tác giả đánh giá tích cực.

Nhìn từ viễn cảnh quốc tế

Triandis (1995) và Hofstede (1991) tranh luận rằng sự giàu có, sung túc là một trong những yếu tố chủ yếu phá vỡ điều kiện xã hội có lợi cho tính cộng đồng. Điều này xảy ra bởi vì sự giàu có, sung túc cho phép các cá nhân có cơ hội tách mình khỏi nhóm nội và những người quan trọng khác, mở đường cho cá nhân lựa chọn những gì mà mình muốn mà không nhất thiết cần có sự tán thành của nhóm.

Quan điểm này có ý rằng cùng với công nghiệp hóa và hiện đại hóa, xu hướng cá nhân sẽ tăng lên. Điều này đã xảy ra ở Hàn Quốc và Nhật Bản dù sự thay đổi không diễn ra theo mối tương quan tuyến tính. Khi nghiên cứu, ở cấp độ văn hóa, các thay đổi về định hướng giá trị và hành vi của người Hàn Quốc trong một thế kỷ (1870 - 1970), Jae - Ho Cha (1994) đi đến kết luận rằng: tuy tính cộng đồng vẫn còn khá trội trong xã hội Hàn Quốc nhưng cộng đồng ở một số khía cạnh đã yếu đi và sự thay đổi diễn ra theo xu hướng cá nhân. Tương tự, quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở Nhật Bản đã làm cho mối quan hệ giao tiếp qua lại với hàng xóm láng giềng của người Nhật ngày càng lạnh nhạt, lòng lèo và thưa thớt (Trần Mạnh Cát, 2003). Tất nhiên, dù nhiều đặc điểm bên ngoài của văn hóa Nhật Bản đã thay đổi, nhưng các yếu tố căn bản của văn hóa nhấn mạnh mối quan hệ con người (xu hướng cộng đồng) vẫn còn khá mạnh. Một nghiên cứu khác ở Hy Lạp cũng cho kết quả theo hướng tương tự (Doumanis M., 1983).

Nhiều tác giả nước ngoài như J. Berry (1994), H. Triandis (1995) hoặc U. Kim (1994) có điểm chung là qui nguyên nhân sinh ra tính cộng đồng/cá nhân về điều kiện sinh thái. Trong những điều kiện sinh thái đòi hỏi phải có sự hợp lực thì nhóm sẽ có ưu thế. Trong những điều kiện sinh thái ít đòi hỏi hợp lực thì nhóm có ưu thế ít hơn và cá nhân "độc lập" nhiều hơn. Khi kinh tế phát triển cao hơn, mức độ tự lập của cá nhân tăng thì ưu thế của nhóm sẽ giảm đi. Một số tác giả như H. Barry, I. Child và M. Bacon (1959 dẫn trong Triandis, 1999) đã nghiên cứu và phát hiện ra rằng, trong các nền văn hóa đơn sơ, khi sự tích lũy lương thực tăng lên thì trong nuôi dạy con cái, tính phục tùng và sự phụ thuộc lẫn nhau được nhấn mạnh hơn. Nhưng khi xã hội chuyển từ nông nghiệp

sang giai đoạn công nghiệp và thông tin thì các ưu thế của hành động cá nhân (tự chủ, sáng tạo, dám làm, dám mạo hiểm) tăng lên. Trong các giai cấp khác nhau ở cùng một xã hội hiện đại cũng có cách thức này. Tầng lớp thấp nhất mạnh đến phục tùng, vâng lời và giáo dục con cái nghiêm khắc; đứa con "lý tưởng" của họ là một đứa con "ngoan", đi theo phong cách của cha mẹ mình. Ngược lại, tầng lớp trung lưu có chuyên môn cao, coi trọng giáo dục con cái tính độc lập, tự lập, sáng tạo và đứa con "lý tưởng" của họ là một nhà chuyên môn, có khả năng thành đạt cá nhân.

Về xu hướng phát triển của tính cá nhân, tính cộng đồng ở Việt Nam

Từ nhiều nghiên cứu, Triandis tổng kết rằng, sự thay đổi sinh thái, sự giàu có, tính di chuyển (cả về mặt xã hội lẫn địa lý) và sự biến đổi từ bối cảnh nông thôn sang môi trường đô thị (phức tạp) sẽ làm thay đổi quan hệ *tôi - người khác* từ xu hướng cộng đồng sang xu hướng cá nhân. Dựa trên những phân tích và lập luận về tính cá nhân và tính cộng đồng từ viễn cảnh Việt Nam và quốc tế trên đây có thể tin rằng, Việt Nam cũng sẽ đi theo xu hướng như vậy nếu nó không phải là một ngoại lệ. Kết quả trong nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, nhóm nhiều tuổi hơn có xu hướng cộng đồng cao hơn. Ngược lại, nhóm có học vấn cao hơn có xu hướng cá nhân cao hơn; nhóm trẻ hơn, sống ở đô thị có xu hướng cá nhân cao hơn. Xu hướng này sẽ tiếp tục trong những năm tới khi quá trình hiện đại hóa và công nghiệp hóa tăng tốc và quá trình hội nhập quốc tế diễn ra sâu rộng hơn.

Các làng xã truyền thống đang thay đổi dưới tác động của đô thị hóa và hiện đại hóa, nhưng văn hóa, lối sống đô thị dường như lại quá yếu để có thể dẫn dắt sự thay đổi đó. Sống ở đô thị, người nông dân sẽ ứng xử với nhau, với cộng đồng như thế nào? Liệu có sự tan rã của cái cộng đồng làng ở những vùng ven đô hay không? Sự *tan rã* này thể hiện ở chỗ các cá nhân sống trong các khu đô thị cảm thấy xa lạ, thiếu tổ chức, quá quan tâm tới lợi ích cá nhân hay gia đình mình, có khi vô cảm và mất ý thức về cộng đồng? Điều này đã từng gây lo ngại trong các cộng đồng ở Mỹ những năm sau chiến tranh thế giới thứ II và chính nó đã thúc đẩy sự ra đời của ngành tâm lý học cộng đồng (Wiesenfeld, 1996). Hệ quả tiêu cực từ việc đô thị hóa ngày càng tăng trong xã hội hiện đại đã là nỗi lo ngại của nhiều nhà khoa học xã hội. Từ những năm 1930, Wirth (1938, dẫn theo Royal & Rossi, 1996) đã nói tới sự thiếu tổ chức về mặt xã hội ở các cộng đồng đô thị, còn Milgram (1970, dẫn theo Amato, 1983) thì nói đến lý thuyết quá tải thông tin của việc sống trong các thành phố. Theo Wirth, kích cỡ, mật độ (dân số) và sự đa dạng về dân cư ở các khu đô thị sẽ làm sứt mòn quan hệ gắn bó họ hàng và cộng đồng truyền thống. Điều này xảy ra vì đô thị hóa, vì di cư tới khu đô thị đã phá vỡ các mối quan hệ xã hội và làm cho cá nhân xa cách với các nguồn hỗ trợ xã hội mà họ đã từng có. Tình ban thực sự ở thành phố cũng không dễ thiết lập vì người đô thị thường gặp gỡ, giao dịch

trong các vai trò có tính chất ngăn ngừa, thiếu sâu sắc và khuyết danh. Kết quả của môi trường sống này là các liên kết xã hội yếu đi đáng kể, tác động tiêu cực đến sức khỏe tâm lý của các cá nhân (căng thẳng, cô đơn, thu mình, ám ức...). Sống lâu trong môi trường này, theo Milgram, con người có thể phát triển cái chuẩn mực xã hội (social norm) là không can dự (ở Việt Nam, dân gian gọi là chủ nghĩa "mackeno"/mặc kệ nó, vô cảm).

Ở một mức độ nhất định, dường như điều nói trên đã và đang diễn ra trong xã hội Việt Nam, đặc biệt là ở khu vực đô thị khi tính cộng đồng giảm và tính cá nhân tăng. Nhiều người có lý do để lo ngại. Tuy nhiên, các nghiên cứu gần đây trên thế giới gợi ý rằng các cộng đồng địa phương không "mất đi", tính cộng đồng cũng không biến mất mà lại được "tự do" hơn (dẫn theo Royal & Rossi, 1996) hay "lỏng" hơn. Các mối quan hệ gia đình, dòng họ và hàng xóm yếu hơn trong các khu đô thị, ở nhóm người trẻ tuổi và khá giả hơn về mặt kinh tế sẽ được thay thế bởi các mối quan hệ với người ngoài địa phương. Các phương tiện giao thông nhanh hơn, tiện dụng hơn, phương tiện truyền thông hiện đại hơn, các trang mạng xã hội rất có sức mạnh đã xóa bỏ khoảng cách về không gian. Như vậy, tầm quan trọng của cộng đồng/nhóm theo địa lý đã giảm, trong khi tầm quan trọng của các cộng đồng theo các mối quan hệ (ít bị hạn chế về địa lý, không gian) lại phát triển để thay thế. Vì con người là các sinh vật xã hội nên có thể tin rằng về dài hạn, cộng đồng địa phương ở khu vực ven đô và đô thị sẽ tìm ra các cách thức mới để thiết lập và duy trì các mối liên kết mới, đa dạng hơn. Nói như Durkheim, *sự gắn kết cơ học* (mechanical solidarity) sẽ được dần thay thế bằng *sự gắn kết hữu cơ* (organic solidarity). Trong xã hội nông nghiệp/truyền thống (được đặc trưng bởi *sự gắn kết cơ học*, *tính cộng đồng* với các cộng đồng quan hệ chặt chẽ, tất cả mọi người đều biết nhau, mỗi quan hệ liên cá nhân gắn gũi sẽ dần bị phá vỡ bởi công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xã hội công nghiệp và hiện đại có đặc trưng là *sự gắn kết hữu cơ*, *tính cá nhân rõ hơn* trong đó các mối quan hệ liên cá nhân lỏng hơn, thậm chí hời hợt hơn. Điều kiện này cho phép các cá nhân có cơ hội theo đuổi các mục đích cá nhân của mình mà ít bị tác động bởi áp lực nhóm/cộng đồng. Tất nhiên, thời kỳ "đô thị quá độ" và "đô thị khủng hoảng" theo cách gọi của tác giả Mac Đường sẽ là một quá trình kéo dài và khó khăn.

Chú thích

1. Bài viết được hoàn thành trong khuôn khổ của đề tài "Nghiên cứu tâm lý xã hội của cộng đồng cư dân nông thôn trong bối cảnh đô thị hóa", thực hiện năm 2011 - 2012. Xin cảm ơn Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia đã tài trợ cho đề tài này.

Tài liệu tham khảo

1. Allick, J. & Realo A., "Individualism - Collectivism and social capital", Journal of cross-cultural psychology, Vol. 35 No. 1, January 2004, tr. 29 - 49, 2004.

2. Amato, P.R., *The effects of urbanization on interpersonal behavior. Field study in Papua New Guinea*, Journal of Cross cultural psychology, Vol 12No3, tr. 353 - 367, 1983.
3. Baughler, Peter Frederic, *The Contradiction of Colonialism: The French Experience in Indochina, 1860 - 1940*, Ph. D. Thesis, The University of Wisconsin - Madison, 1980.
4. Chavis, D.M., Hogge, J.H., McMillan, D.W., & Wandersman, A., *Sense of community through Brunswick's lens. A first look*, Journal of Community Psychology, 14 (1), tr. 24 - 40, 1986.
5. Dalton, Russel, "Civil Society, Social Capital and Democracy". In: R. Dalton and Doh Chull Shin (eds.), *Citizens, Democracy and Markets Around the Pacific Rim*, Oxford: Oxford University Press Freedom House. See <<http://www.freedomhouse.org>>, 2006.
6. Dalton R., Nhu-Ngoc T. Ong, *Civil Society and Social Capital in Vietnam*, <http://www.democracy.uci.edu/files/democracy/docs/vietnam/vietnam04.pdf>, 2006
7. Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hóa sử cương*, NXB Đông Tháp (xuất bản lần đầu 1938), tr. 368; 374, 1998.
8. Đỗ Long, *Quan hệ cộng đồng và cá nhân trong tâm lý nông dân*, Hà Nội, NXB KHXH, tr. 30; 39; 46 - 47; 152 - 183, 2000.
9. Đỗ Ngọc Hà, *Định hướng giá trị của thanh niên sinh viên hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Đại học Sư phạm Hà Nội, 2001.
10. Nguyễn Hồng Phong, *Tìm hiểu tình cách dân tộc Việt Nam*, Hà Nội, NXB Khoa học, tr. 46 - 118; tr. 88, 1963.
11. Đoàn Đức Hiếu, *Sự phát triển cá nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN*, Hà Nội, NXB Chính trị Quốc gia, tr. 70 - 71, 165 - 166, 2003.
12. Hoàng Vinh, *Những vấn đề văn hóa trong lịch sử truyền thống Việt Nam*, NXB Văn hóa thông tin, tr. 215 - 250, 2002.
13. Fukuyama, Francis, *Trust: The Social Virtues and the Creation of Prosperity*, New York: Free Press, 1995.
14. Jea-Ho Cha, "Aspects of individualism and collectivism in Korea", *Individualism and Collectivism: Theory, Method, and Applications* edited by Uichol Kim; Harry C. Triandis; Cigdem Kagitcibasi; Sang-Chin Choi and Gene Yoon. Thousand Oaks: Sage, tr. 157 - 174, 1994.
15. Kim U., Triandis, H., Kagitcibasi C., Choi S. C., Yoon G., "Introduction". *Individualism and Collectivism: Theory, Method, and Applications* edited by U. Kim, H. Triandis, C. Kagitcibasi, S. C., Choi and G. Yoon G. Thousand Oaks: Sage, tr. 7; 11, 1994.
16. Hofstede, G., *Cultures and Organizations: Software of the Mind*. London: Mc Graw - Hill, 1991.
17. Lê Thị, *Vai trò gia đình trong việc xây dựng nhân cách con người Việt Nam*, Hà Nội, NXB Phụ Nữ, 1997.
18. Nguyễn Đức Thạc, "Con người Việt Nam thời Nguyễn đâu chỉ là ánh hào quang của lịch sử?", Kỷ yếu Tâm lý học, Viện Tâm lý học, tr. 272, 2003

19. Lê Văn Hào, "Tinh cộng đồng và tính cá nhân trong Tâm lý học văn hoá", In trong sách *Tinh cộng đồng, tính cá nhân và "cái tôi" của người Việt Nam* do Đỗ Long - Phan Thị Mai Hương chủ biên, NXB Chính trị Quốc gia, 2002.
20. Lê Văn Hào, *Nghiên cứu tinh cộng đồng và tính cá nhân ở người dân xã Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội*. Luận án Tiến sĩ, 2005.
21. Mạc Đường, *Đô thị quá độ, đô thu khủng hoảng*, 2002.
22. Phạm Minh Hạc, *Tuyển tập Tâm lý học*, Hà Nội, NXB Giáo dục, tr. 533; 577; 634, 2002.
23. Sarason, S.B., *The psychological sense of community: Prospects for a community psychology*, San Francisco: Jossey - Bass, 1974.
24. Pew Research Center, *Americans and Social Trust: Who, Where and Why*, 2007.
25. Phạm Thành Nghi, *Thái độ ủng hộ thể chế của người dân Việt Nam*, Tạp chí Xã hội học, số 2 (110), 2010, tr. 3 - 7.
26. Phan Ngọc, "Cá nhân luận, nhân cách luận và 'cái tôi' của người Việt Nam", Kỷ yếu hội thảo Tinh cộng đồng - tính cá nhân và "cái tôi" của người Việt Nam, Viện Tâm lý học tổ chức vào tháng 4 - 2000 tại Hà Nội.
27. Thái Duy Tuyên (chủ biên), *Tìm hiểu định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường*, Hà Nội, 1994.
28. Trần Ngọc Thêm, *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB thành phố Hồ Chí Minh, tr. 48; 197 - 198, 2001.
29. Triandis, H. C., *Individualism and Collectivism*, Boulder, Co: Westview, 1995.
30. Tetsuji Ito, *Ngõ phố Hà Nội: Những khám phá*, Hà Nội, NXB Hội nhà văn, tr. 60 - 63, 2003.
31. Triandis H. C. & Gelfand M. J., "Converging Measurement of Horizontal and Vertical Individualism and Collectivism", *Journal of Personality and Social Psychology*, Vol. 74, No 1, tr. 118 - 128, 1998.
32. Rosenberg, M., *Occupations and Values*, Glencoe, IL: Free Press, 1957.
33. VGSO (Vietnam General Statistical Office), *Vietnam Statistical Yearbook*, 2006.
34. Wiesenfeld, E., The concept of "We": a community social psychology myth? In *Journal of community psychology*, Volume 24, N0 4, October, 1996, tr. 337 - 346, 1996.